

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG HÀ
TỈNH T BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/DSST

Ngày: 15-9- 2020

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tống Xuân Tú

2. Bà Vũ Thị Khánh Hòa

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Lân - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2020/TLST- DS ngày 04 tháng 8 năm 2020 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXX-ST ngày 01 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

- ***Bị đơn:*** Anh Đào Văn T, sinh năm 1985 anh T xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

- ***Người làm chứng:*** Anh Phan Thanh B, sinh năm 1974(có mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn M trình bày: Do cần tiền để trả nợ nên ngày 16-8-2019, anh Đào Văn T, sinh năm 1985, ở thôn A, xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình có vay của anh số tiền 38.000.000 đồng, anh nhất trí và cho anh T vay số tiền trên, khi vay có viết giấy biên nhận vay tiền (do anh T là người trực tiếp viết), có anh Phan Thanh Bình quê ở xã T, huyện Hưng Hà là người làm chứng có ký vào giấy vay nợ, không ghi tính lãi đối với khoản vay này, thời hạn trả nợ là ngày 16-9-2019. Đến hạn trả nợ anh T không trả

cho anh số tiền đã vay ở trên, anh nhiều lần yêu cầu anh T trả nhưng anh T vẫn không trả cho anh. Anh xác nhận số tiền vay trên là số tiền của riêng cá nhân anh với cá nhân anh T, không liên quan đến vợ anh cũng như vợ anh T. Nay anh đề nghị Tòa án buộc anh Đào Văn T phải thanh toán trả cho anh số tiền 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng), anh không yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền vay trên.

Tại bản tự khai và biên bản hoà giải ngày 31-8-2020, bị đơn anh Đào Văn T trình bày: Anh xác định vào ngày 16-8-2019, anh có vay của anh Nguyễn Văn M, số tiền 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng) như anh M trình bày, khi vay có viết giấy biên nhận vay tiền (anh là người trực tiếp viết), không ghi tính lãi đối với khoản vay này, thời hạn trả nợ là ngày 16-9-2019, khi viết giấy này có anh Phan Thanh B quê ở xã T là người làm chứng có ký vào giấy vay nợ. Đến hạn trả nợ anh chưa thanh toán trả được cho anh B số tiền trên. Đến tháng 11 năm 2019, anh đã thanh toán trả cho anh M số tiền là 10.000.000 đồng (M triệu đồng), việc anh trả tiền cho anh M không có ai chứng kiến, không có giấy tờ gì. Việc anh trả cho anh M số tiền trên sau đó anh M có kể với anh Nguyễn Minh D và anh Đào Văn T, địa chỉ thôn A, xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh T Bình. Đến nay anh còn nợ anh M số tiền 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng), hiện nay kinh tế gia đình anh đang khó khăn, từ nay đến Tết thu xếp được anh sẽ có trách nhiệm trả cho anh M số tiền 28.000.000 đồng. Anh khẳng định số tiền anh vay của anh M 38.000.000 đồng trên là cá nhân anh với cá nhân anh M cho nhau vay, không liên quan đến vợ anh cũng như vợ anh M, anh vay để trả nợ cho bản thân.

Người làm chứng anh Phan Thanh B trình bày: Vào ngày 16-8-2019, anh trực tiếp chứng kiến việc anh T vay của anh B số tiền 38.000.000 đồng như anh M trình bày, khi anh M giao tiền cho anh T, anh T có viết giấy biên nhận vay nợ và anh có ký vào tờ giấy này với tư cách là người làm chứng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên toà: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 464, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn M, buộc anh Đào Văn T có trách nhiệm thanh toán trả cho anh M số tiền là 38.000.000 đồng. Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn M khởi kiện yêu cầu anh Đào Văn T trả nợ số tiền 38.000.000 đồng theo giấy biên nhận vay tiền, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản; bị đơn anh Đào Văn T có nơi cư trú tại thôn A, xã T, huyện Hưng Hà nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà theo quy định tại khoản 3

Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Giấy vay nợ ngày 16-8-2019 thể hiện nội dung anh T vay của anh M số tiền 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng), không ghi tính lãi, thời hạn trả nợ là ngày 16-9-2019. Đây là Hợp đồng vay thể hiện sự tự nguyện, bình đẳng, không bên nào bị lừa dối, ép buộc, tuân thủ theo quy định tại Điều 116, 117 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên là hợp đồng hợp pháp do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thoả thuận đã cam kết khi ký hợp đồng. Anh M trình bày kể từ ngày 16-8-2019 đến nay anh T không thanh toán trả cho anh M, anh T trình bày đã trả được cho anh M 10.000.000 đồng, còn nợ 28.000.000 đồng. Như vậy anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên anh M khởi kiện anh T là có căn cứ.

Xét về nghĩa vụ trả nợ: Anh M trình bày anh T chưa trả được cho anh M bất cứ khoản tiền nào từ thời điểm vay đến nay. Anh T thừa nhận anh T có vay của anh M số tiền 38.000.000 đồng, anh T đã trả cho anh M 10.000.000 đồng, đến nay còn nợ 28.000.000 đồng nhưng anh T không xuất trình được chứng cứ nào chứng minh cho việc đã trả cho anh M số tiền 10.000.000 đồng, anh T có đưa ra căn cứ việc anh trả nợ cho anh M sau đó anh M có kể cho anh D và anh T ở thôn A, xã T nghe, Tòa án đã xác minh đối với anh N, anh N trình bày không nghe, không biết sự việc gì, không liên quan đến anh M và anh T; anh D trình bày nghe anh M kể nội dung anh T đã trả cho anh M số tiền 10.000.000 đồng nhưng anh D không chứng kiến trực tiếp sự việc này. Vì vậy không có căn cứ chấp nhận việc anh T đã trả cho anh M số tiền 10.000.000 đồng như anh T trình bày.

Anh T trình bày mục đích vay tiền của anh M là vay để chi trả cho cá nhân anh, không chi tiêu cho gia đình. Anh M và anh T đều xác nhận đây là khoản vay giữa cá nhân anh M và anh T, không liên quan đến vợ anh M và vợ anh T. Anh M khởi kiện yêu cầu cá nhân anh T phải thanh toán trả nợ cho anh M theo giấy vay tiền ngày 16-8-2020. Vì vậy, chị T (vợ anh M) và chị Y (vợ anh T) không liên quan đến Hợp đồng vay giữa anh M và anh T.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự, cần buộc anh T phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho anh M số tiền là 38.000.000 đồng. Anh M không yêu cầu tính lãi đối với khoản vay trên nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Đào Văn T là bên vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 464, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;; Căn cứ khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn M đối với anh Đào Văn T. Buộc anh Đào Văn T có nghĩa vụ thanh toán trả cho anh Nguyễn Văn M số tiền là 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng).

2. Về án phí: Anh Đào Văn T phải chịu 1.900.000 đồng (Một triệu chín trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại anh Nguyễn Văn M 950.000 đồng (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006085 ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ nếu người phải thi hành không thi hành khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hưng Hà,
- Các đương sự,
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Nguyễn Bích Thủy

